

**LUẬN THÍCH PHẬT MẪU BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT
ĐA
VIÊN TẬP YẾU NGHĨA**

QUYỂN 2

Lại nói cái không sau. Như Tụng nói:

*Cắt đứt hết ngã kiến v.v...
Đại sĩ làm rất ráo,
Nói nhân vô ngã ấy,
Phật nói khắp mọi nơi.*

Ở đây nói “Ngã kiến” v.v..., tức nói đoạn trừ các ngã kiến v.v... Ngã tức là biến kế sở chấp vào các uẩn v.v... “vốn có” Vân vân (đẳng), tức bao gồm cả Nhân kiến. Chúng sinh kiến, Thọ giả kiến. Các hành tướng trogn đây gọi là Sở đẳng, nghĩa là những sở hữu v.v... thuộc Ngã. Giải thích nghĩa này thuận theo mà biết. “Kiến” (thấy), nghĩa là cái thấy chấp trước. Tổng ý ở đây là nói: Đối với cảnh của ngã v.v... trong cõi thì các ngã kiến v.v... phải nên dứt mất. “Đoạn” nghĩa là phá tan. “Làm” nghĩa là làm rất ráo.

- Hỏi: Người nào làm? Đáp: Ấy là Bồ-tát.

- Lại hỏi: Là Bồ-tát sao lại nói là Đại sĩ? Đáp: Nói Đại sĩ tức là Đại Hữu tình, Đại Hữu tình này luân hồi khắp nơi, liên tục làm lợi ích chúng sanh, tức là Bồ-tát. Nếu đây có làm thì sao nói đoạn ngã kiến? Do đó Tụng nói: “Nói nhân vô ngã ấy Phật nói khắp mọi nơi”. Nghĩa là Phật nói: Dù ở nơi nào, nhất định đều nói người là không có ngã. Như thế là đã nói Vô tánh Không (Không của không có tánh) xong! Nay lại nói cái không khác. Như tụng nói:

*Tất cả pháp không sinh,
Ở đây nói cũng thế,
Tuyên nói pháp vô ngã,
Nói thật khắp các xứ.*

- Nói “Tất cả pháp không sinh” v.v... “Tất cả” nghĩa là khắp hết.

Còn “pháp” tức là các pháp như sắc v.v... Tất cả tức là pháp, nghĩa đã giải thích. Nên biết, tất cả pháp ấy đều không sinh. Nói “không sinh”, tức là chấm dứt sự sinh của pháp. Ý ở đây nói tánh xưa nay chẳng sinh. Chẳng phải như tướng tụ tập kia, mà có được tánh thật của nó. Tụng nói: “Ở đây nói cũng vậy”, “Đây” nghĩa là như thế. Nói tức biểu thị nghĩa. Cũng vậy, là cũng lại nói như thế.

Tụng nói: “Tuyên nói pháp vô ngã. Pháp là các pháp như sắc v.v... “Vô ngã” tức là không tự tánh.

Hỏi: Nếu thế sẽ biểu thị cái gì? Tụng tự đáp: “Nói thật khắp các xứ”. “Khắp các xứ” (Nhất thiết xứ) tức tất cả các loại “Thật” nghĩa là chân thật. Tức là pháp Chân như vô ngã. “Nói” là biết rõ. Biết rõ còn có nghĩa là ngăn ngừa. Đây ý nói: Chơn như ngăn ngừa các pháp khác.

Lại hỏi: Người nào nói thật? Đáp: Đó là Phật Thế Tôn. Các điều đã nói như thế thì không giống với cái không của ngoại đạo thường nói.

Như thế là đã nói Vô tánh tự tánh Không xong. Sau đây sẽ nói nghĩa của hai thứ không nữa. Như lời tụng nói:

*Có tội và không tội,
Chẳng thêm cũng chẳng bớt,
Pháp Hữu vi, Vô vi,
Ngăn sở hữu các thiện.*

Nói “có tội và không tội” thì tội tức là lỗi lầm; lỗi tùy theo tội mà chuyển, nên gọi là có tội. Lìa tội và lỗi lầm, gọi là không có tội. Hoặc tội, hoặc vô tội, thì các pháp vốn có xưa nay cũng không tăng thêm, không giảm bớt. Nói chẳng tăng thêm đó, tức là có đó nhưng không tăng trưởng thêm. Cũng chẳng giảm bớt, nghĩa là được pháp vô tận sinh ra, mà không giảm bớt. Thế nên, Bồ-tát phải biết như thật đó là pháp vô tận. Hữu vi, nghĩa là các pháp có sự tạo tác, nên gọi là Hữu vi. Hành tướng của nó như thế nào? Tức là do nhơn duyên đã sinh ra các hành. Còn Vô vi, thì nói đơn giản, là chẳng phải hành tướng Hữu vi.

Thế nào gọi là Trạch diệt v.v..? Tụng nói: “Sở hữu các pháp thiện”.

Hỏi: Nhưng Hữu vi và Vô vi đều sở hữu các pháp thiện. Lại nói như thế nào? Đáp: Trong đây, nên biết các pháp thiện Hữu vi, pháp thiện Vô vi... nếu như thứ lớp, hoặc không theo thứ lớp nào tu hành thì, đều đạt được sự không tăng thêm hay giảm bớt. Theo ý ở đây, đối với Thắng nghĩa đế thì không có thật nắm giữ một pháp nào cả. Nói Ngăn (Chỉ) là ngăn cản trừ bỏ. Ngăn trừ nói rằng: Chúng sở hữu cái tướng

“Không có”. Như thế, là đã nói xong Hữu vi Không và Vô vi không. Sau đây lại sẽ nói các không. Tụng nói:

*Trong tánh Không (của) các thiện
Nó xuất cũng vô tận,
Biến kế phân biệt này,
Nó thâm khắp đều không.*

Nói: “Trong tánh Không của các thiện”. “Các thiện” ở đây là các pháp thiện. Nghĩa là trong tánh không, thì có các pháp thiện chẳng phải là vô tánh. (tánh không có). Vì sao thế? Tụng nói: “Nó xuất cũng vô tận”. “Nó” tức là cái tiếng bao hàm các pháp thiện. “Xuất” tức là sinh ra. “Cũng” nghĩa là nói liên tục. Tổng ý ở đây là do tánh của các pháp thiện như lý, sinh ra là vô tận cho nên nó không giảm bớt, và các việc của Bồ - tát nhờ vậy cũng không gián đoạn.

- Tụng nói: “Biến kế phân biệt này”. Nghĩa là bậc trí, thuận theo đó nên biết rõ như thật. Tánh biến kế sở chấp như đã nói. Tụng nói: “Nó thâm khắp làm không”. Khắp là khắp hết “Thâm” (nhiếp) là tổng gom lại. Nghĩa là trong kinh Bát-Nhã tám ngàn bài tụng đây, đã phân biệt, nói rộng các loại không; Như vậy trong đây liên tục đã nói khắp hết, mà Viên Tập tổng gom lại. Cho nên gọi là “Thâm khắp”. Như thế ở đây là tổng gom lại đều không.

Hỏi: Thế thì hành tướng của không này hòa hợp ra sao? Đáp: Không, được nói ở đây chỉ để phá bỏ tướng pháp mà biến kế đã chấp. Nói như thế đây là nói nghĩa rất ráo. Cho nên, các lý trong lời nói đó tự hòa hợp, gồm chung lại. Như thế là đã nói xong về không. Sau đây không còn lời lẽ nghĩa lý gì để nói về không nữa.

Lại nữa, nên biết: Các pháp không được nói ở đây, chỉ là để phá bỏ, ngăn chặn các chấp trước phân biệt của chúng sinh, chứ không phải nói thật tánh. Vì sao? Trong thật tánh ấy, chỉ nói hai thứ không: ấy là Nhơn không và tất cả pháp đều không. Như thế là đã nói xong về cái không không tan hoại. (Vô tán Không)

Hỏi: Sao gọi là không tan hoại? Đáp: Tan nghĩa là ly tán. Tan này chẳng tan, nên gọi là không tan. Thể của không tan, là các Bồ-tát có được những pháp thiện, cho đến trong cõi Niết-bàn Vô Dư Y, nó cũng không tan và cũng không hết, nên gọi không tan. (Vô tán Không)

Như thế là đã nói tổng cộng mười sáu không. Như trong Biện Trung Biên luận, Bồ-tát Từ Thị đã nói các nghĩa như vậy. Để mở bày sáng tỏ, Tụng nói:

Nội - Ngoại thọ. Thân kia,

*An trú - vật đều không,
 Trí thấy như thật chúng
 Vốn có nghĩa là không,
 Thọ nhận hai thứ thiện,
 Luôn lợi ích hữu tình;
 Ở sanh tử làm lợi,
 Pháp thiện ấy vô tận,
 Các chủng tánh v.v... thanh tịnh,
 Đạt được các tướng tốt
 Pháp chư Phật thanh tịnh,
 Bồ-tát cũng thành tựu,
 Người và tất cả pháp,
 Trong đấy không tánh, không,
 Trong không tánh có tánh,
 Tánh đó cũng lại không.*

Lại nữa trong đây, nay sẽ nói đến việc trừ bỏ mười pháp phân biệt tán loạn. Nên biết, đó là phát khởi hành tướng để tu hành. Hỏi: Những gì là mười thứ phân biệt tán loạn? Lại làm sao ngăn? Do đó Tụng nói:

*Mười thứ tâm tán loạn,
 Tâm tán loạn chỗ khác,
 Ngụ chẳng được tương ưng,
 Trí không hai chẳng thành.*

Đây nói về mười thứ tâm tán loạn. Bồ-tát mới phát tâm có mười thứ phân biệt tán loạn này. Đó là:

1. Phân biệt tán loạn về không tướng.
2. Phân biệt tán loạn về có tướng.
3. Phân biệt tán loạn về không tướng và có tướng (Câu tướng).
4. Phân biệt tán loạn Chê bai.
5. Phân biệt tán loạn Một tánh.
6. Phân biệt tán loạn Đủ các thứ tánh.
7. Phân biệt tán loạn Tự tánh.
8. Phân biệt tán loạn Sai khác.
9. Phân biệt tán loạn Đúng tên với nghĩa.
10. Phân biệt tán loạn Đúng nghĩa với tên.

Đấy là mười thứ phân biệt, khiến cho tâm tán loạn, là tâm và tâm sở bị tán loạn.

Tán loạn chỗ khác, là phân tán ra nhiều chỗ khác nhau, mà bị loạn động, nên gọi là tán loạn.

Nói “chỗ khác nhau”, nghĩa là có nơi có chỗ riêng rẽ khác nhau, bị loạn động lợi dẫn làm cho tâm ấy không được tương ứng.

Hỏi: Người nào chẳng được tương ứng? Tụng tự đáp: Kẻ ngu chẳng được tương ứng. Ngu tức là kẻ phàm phu ngu mê, là các Dị sinh, đối với các việc tổn hại, hoặc các việc ích lợi, hoặc là pháp chơn thật đều không biết gì! Hỏi: Không được tương ứng pháp nào?

Tụng tự đáp là: “Trí không hai”. “Không hai” tức là không có hai tướng, nên gọi là không hai. Trí chẳng chấp trước vào hai thứ đó, nên gọi là trí không hai. “Thành tựu”, là hoàn thành tức quyết định được hoàn thành. Ở đây, như thế tất phải có nghĩa lý gì. Như tụng đã nói: “Chẳng thành”, nghĩa là các kẻ phàm phu ngu mê, tâm luôn tán loạn, nên đối với các cảnh của sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... tâm sinh chấp trước. Thế nên, diệu Trí thanh tịnh không thể nào thành tựu, tức là tâm không tương ứng. Hỏi: Nếu trí không hai chẳng tương ứng thì đó có nghĩa thế nào? Tụng nói:

*Nó ngăn chặn, đả phá
Năng, sở trị lẫn nhau
Với pháp Bát-nhã này,
Nơi Viên Tập đã nói.*

Nói nó ngăn trở v.v... “Nó”, tức là mười thứ phân biệt tán loạn. Ngăn trở nghĩa là ngăn cản, đả phá.

Hỏi: Chỗ nào ngăn cản. Tụng tự đáp: Trong pháp Bát-nhã, tức là lời dạy của mười vạn bài Tụng, trong pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa tất cả đều nói lời ngăn ngừa.

Hỏi: Nó ngăn pháp nào? Tụng tự đáp: năng-Sở trị lẫn nhau. Hỗ tương là nghĩa đây và kia thay đổi cho nhau. Năng (chủ thể) sở (đối tượng) đối trị là hữu tướng và vô tướng, thay đổi cho nhau làm Năng-Sở đối trị. Hành tướng thế nào? Như chỗ có hữu tướng là năng đối trị, thì vô tướng là sở đối trị. Hoặc vô tướng là năng đối trị thì hữu tướng là sở đối trị. Như vậy, v.v... đó là hành tướng.

Hỏi: Trong pháp Bát-nhã kia, sẽ phải nói như thế nào? -Tụng tự đáp: “Nơi Viên Tập đã nói”, là lời dạy trong Phật Mẫu Bát-nhã Ba-la-mật đa. Như thế Viên Tập đã tổng gom tóm lược nghĩa cốt yếu, gồm thấu cả mười thứ phân biệt tán loạn. -“Nói” là nói năng. Đây nói như thế, đó tức là Như Lai là bậc hiểu biết thấu đáo, chơn thật và cao tột nhất, mà Viên tập đã thấu gom khắp ở trong pháp Phật Mẫu Bát-nhã Ba-la-mật đa như thế mà giảng nói.

Hỏi: Đã giảng nói những gì? Lời tụng nói:

*Nếu như Bồ-tát có,
Phân biệt Vô tướng này,
Thầy ngăn ngừa tán loạn,
Nói các uẩn thế tục.*

Ý ở đây nói: “Bồ-tát có phân biệt vô tướng này”. Bồ Đề và Tát Đỏa tức là Bồ Đề Tát Đỏa. “Có”, nghĩa là chẳng không. Ở đây nói như vậy, tức là có thứ phân biệt vô tướng. “Phân biệt Vô tướng”, tức là phân biệt sắc không có tướng. Phân biệt ấy tán loạn như thế, là do tánh ngu si gây ra.

- Hỏi: Nếu có thứ tán loạn này thì phải làm sao? -Tụng đáp: Bảo ngăn ngừa cho dứt. Hỏi: Ai có thể ngăn ngừa cho dứt? Tụng đáp: Là Thầy. - Thầy ở đây chính là Đại sư Như Lai. Ngài khéo luôn chế ngự, hàng phục các giặc thù phiền não, lại thường cứu độ những nỗi lo sợ nơi các nẻo ác nên gọi là Thầy, là Sư.

Tụng nói: “Nói các uẩn thế tục”. Thế tục, tức là thế gian. Các uẩn thế tục tức là sắc, thọ v.v... Nói đến các uẩn ấy, có ý là khiến phải hiểu biết rõ. Vì có uẩn ấy, nên cần phải trừ khử phân biệt vô tướng tán loạn đó. Ý nói như thế, ấy là vì Thế Tôn thương xót các Bồ-tát mới phát tâm, nói các uẩn thế tục, khiến họ hiểu biết để trừ khử đoạn kiến, mà ngăn cái phân biệt vô tướng đó, chứ chẳng phải nói thật tánh. Tám ngàn bài tụng của pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa này nói nghĩa như thế thì tương ứng với nghĩa lý của Bát nhã ba la mật đa bản mẫu. Lại nữa Tụng nói:

*Đây, tám ngàn bài tụng v.v...
Từ nói đầu, thứ lớp
Đến cuối đều chỉ ngăn
Nói: phân biệt Vô tướng.*

Đây nói nói về tám ngàn bài tụng v.v... “Đây” là nghĩa như vậy. Bát thiên tụng bản mẫu đã nói như vậy. Đẳng là cùng gồm thâu cả mười vạn bài tụng. Nói (Từ nói thứ lớp), là được hình thành từ lời nói đầu, là từ đầu kinh đã khởi lên lời nói đó. - Hành tướng nó như thế nào?

Là như kinh nói: “Này Tu Bồ Đề! Tùy theo ý ông ưa thích mà nói về Bát-nhã Ba-la-mật đa của các đại Bồ-tát; ông nên bắt đầu làm như Bát-nhã Ba-la-mật đa sinh ra các đại Bồ-tát v.v... Tụng nói: “Đến cuối đều chỉ ngăn”, nghĩa là, từ đầu kinh, đến cuối kinh, những điều nói trong đó đều rất đầy đủ rớt ráo. Tụng nói: “Đều chỉ ngăn”. Ngăn (chỉ) tức là ngăn ngừa thôi dứt, xua đi. Tức là trong Bát nhã Ba la mật đa Bát thiên tụng này đều chỉ là ngăn dứt nói phân biệt chệch bại Vô tướng..

Tụng nói: “Nói phân biệt Vô tướng”, tức là phân biệt sắc này là

không có tướng. Do phân biệt như thế mà rơi vào chấp ở không để đoạn có sắc. Chữ “Nói” là nghĩa thế nào? Nói, tức là nương vào pháp mà nói, nương vào pháp nói ở đây là nói về sự tướng. Hành tướng nó như thế nào? Tức là từ lời nói đầu tiên làm phát khởi, cho đến cuối Kinh, có rất nhiều loại, cách nói ở trong đó và đã thành lập nên các hành tướng phát khởi riêng khác. Như nói các Bồ-tát và các chủ trời, Đế Thích, các bậc thượng thủ v.v... những điều đó nên biết, đều là để ngăn ngừa kiến chấp đoạn.

- Hỏi: Nếu những lời lẽ được nói đây, trong phạm vi để phát khởi thì có được những đạo lý gì?

Nương theo pháp mà nói, là để ngăn trừ nói phân biệt chệch lạc vô tướng. Cho nên tụng nói:

*Nhơn nói chẳng như thế,
 Đây chỉ nói sự tướng,
 Ở trong kinh Phạm Võng v.v...
 Biết tất cả như lý.*

Nói: “Nhơn nói chẳng như thế”. Nhân ở đây nghĩa là đạo lý. “Chẳng như thế”, tức là những lời nói đạo lý, chẳng phải là những lời nói thành tựu. Vì sao thế? Tụng tự giải thích: “Đây chỉ nói sự tướng”. Sự, là sự có tạo tác, sự có tu hành. Nói, tức là nói năng. Các nghĩa trong đây thì như thế, nhưng chỉ nói về sự tướng. Nếu vậy, nay các nghĩa đạo lý hòa hợp chẳng thành tựu thì làm sao có thể khiến những người trí trong đó quán sát mà sinh hoan hỷ? Cho nên Tụng nói chung: “Trong kinh Phạm Võng v.v...” biết tất cả như lý. Đây là thế nào? Tức là các kinh vốn có như Phạm Võng v.v... - “Vả lại nói Đẳng (v.v)” Đẳng (v.v) tức là gồm cả các kinh Vân luân v.v... trong ấy đều nói như lý cả. Người nào nói? Là Phật Thế Tôn. Đối với tất cả mọi nơi đều nương theo lý như thật, tự nói như thế. “Nói như thế” tức nghĩa của nó đã được thành tựu.

Nói: “Biết”, tức là hiểu biết, hiểu biết ở đây là đã nói như lý và như lượng. Nếu nói như thế thì nghĩa của lời nói chân thật là nghĩa quyết định. Đây lại là thế nào?

Nếu như trước nói đạo lý, mà nói thì tuy có thể từ bỏ phân biệt hữu tướng lại nảy sinh. Thế nên nay cần phải chỉ bày môn trái ngược. Như Tụng nói:

*Bồ-tát chẳng thấy ngã,
 Nhưng đây v.v... luôn rộng lớn,
 Thế Tôn ngăn điều này,*

Phân biệt Hữu tướng loạn.

Đây nói: Bồ-tát chẳng thấy ngã, ở đó lại luôn là rộng lớn. Là do trước hết nổi lên tánh biến kế, nên sanh tâm chấp trước vào tướng của Bồ-tát (cho ta là Bồ-tát), sự chấp tướng ấy, đối với thật tánh, thì ngã chẳng thể thấy, cũng chẳng thể nắm bắt được. “Ngã” nghĩa là chính mình. “Ở đó luôn rộng lớn”, thì rộng lớn tức là bao la rộng rãi, Bồ-tát có nghĩa là rộng lớn, cho nên Ngã của Bồ-tát là không thể thấy, cũng chẳng thể nắm bắt được. Pháp Bát-nhã Ba-la-mật đa cũng chẳng thấy và cũng chẳng thể nắm bắt được. Như thế, những điều nói ở đây, là cốt để ngăn trừ phá bỏ cái “phân biệt Hữu tướng tán loạn”!

Tụng nói: “Phân biệt Hữu tướng tán loạn”; thì “tướng” là tướng của sắc v.v..., còn “loạn” là loạn động không yên. Và “Phân biệt” tức là phân biệt các tướng của sắc, thanh v.v... đối với các nghĩa chẳng đúng, chấp trước cho là đúng nghĩa, đúng tánh. Các thứ nghi hoặc, mê mờ, loạn động như thế, đối với Thắng nghĩa đế, chúng không có thật tánh.

Hỏi: Người nào ngăn trừ? Tụng đã tự đáp: Thế Tôn đã ngăn trừ. Ngăn trừ cái gì? Tụng nói:

*Nếu chẳng thấy tên ấy,
Cảnh giới hành cũng thế,
Uẩn ấy, tất cả xứ
Đều chẳng thấy Bồ-tát.*

Nói: “Nếu chẳng thấy tên ấy... “Nếu”, tức là nếu có. “Chẳng thấy” tức chẳng thể nắm bắt được. Hỏi: Chẳng thấy pháp nào? Đáp: Đây là tên Bồ-tát chẳng thể thấy! Nếu nói như thế thì tên ấy cũng nói là chẳng thể nắm bắt được. Tạm thời, ngăn đây mà nói thế.

- Tụng nói: “Cảnh giới”, nếu đúng như thật mà biết, thì chẳng phải chỉ có tên Bồ-tát là chẳng thể nắm bắt mà đối với các cảnh giới khác cũng chẳng thể nắm bắt. “Cảnh giới”, tức là các cảnh giới vốn đã hiện hành. Các Bồ-tát ấy đã thực hành Bát-nhã Ba-la-mật đa. Như thế, thì các tướng đạo hiện hành cũng chẳng thể nắm bắt. Hành tức là phổ biến. Nói các hành tức là nói đến sự tu hành và sự làm việc, nhưng các hành đó cũng chẳng thể nào chấp là có được.

Nói: “Uẩn ấy tất cả xứ”. Uẩn tức là sắc thọ v.v... “Tất cả xứ”. Nghĩa là biến khắp ở mọi chỗ, và tất cả mọi thứ. Theo ý ở đây, thì phải biết như thật, dùng diệu huệ thanh tịnh tìm cầu tướng của Bồ-tát, khắp tất cả chỗ hiểu rõ đó là cái chẳng thể nắm bắt được. Vì lý do đó, nên Bồ-tát chẳng thể thấy. Thế nên tụng nói: “Đều chẳng thấy Bồ-tát”. Như

thế trong đây ý đã nói là vì. “Chỉ khiến trách kẻ ngu”; tức là đối với trí vô nhiễm của Phật - Thế Tôn mà lại chấp là có thật danh (tên thật) và các cảnh giới v.v... chúng chẳng thể nắm bắt được, chẳng phải là hiểu biết đúng đắn, mà tướng của Bồ-tát, đối với thật tánh viên thành (tánh chơn thật vẹn toàn) cũng chẳng thể lìa bỏ. Vì nếu còn chấp tướng lìa bỏ, thì phân biệt vô tướng tán loạn kia trở lại nảy sinh. Đây là nghĩa đã tóm tắt mà nói, nên có lời hỏi: Nếu bây giờ, đối với thật tánh là không có Bồ-tát, thì có trái với lời nói trước? Tụng tự nói:

*Đây chỉ ngăn Biến kế,
Thâu khắp đây mà nói,
Nhờ nhân Nhất Thiết Trí,
Huệ phân biệt các tướng.*

Nói: Chỉ để ngăn ngừa, xua đi biến kế. Biến kế là sự nhìn nhận thấy biết của chúng sinh đã khởi lên, điên đảo. Hành tướng đó như thế nào? Tức là, đối với các Uẩn-Xứ-Giới chấp là tánh có thật, nay phải ngăn trừ nó. Chứ không phải để ngăn trừ diệu trí thanh tịnh. Tụng nói: “Thâu khắp đây mà nói”. Đây tức là nghĩa như thế. Gồm thâu khắp hết mà nói ra, tức là tác giả thâu gồm tất cả để có mà nói. Việc gồm thâu khắp cả mà nói đây là niềm vui quý nhất. Nên biết, đây v.v... là nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật đa. Như vậy, gồm thâu khắp cả mà trình bày, là quyết định, tức nghĩa ấy đã được đến mức rốt ráo.

Hỏi: Ở đây, dựa vào nghĩa nào mà nói? Tụng tự đáp: “Nương nhân Nhất Thiết Trí”. Đây là nghĩa như thế, mà như lý hiển bày. Nương tức là nương vào đó. “Tất cả”, nghĩa là khắp hết. “Trí như”, tức lấy trí phân biệt rõ làm nhân.

Hỏi: Người nào nương? Tụng đáp là Huệ. Huệ đó là Đại Huệ, tức là Phật. Hỏi: Nói những gì? Tụng tự đáp: “Phân biệt các tướng”. Tướng tức là có tác dụng nhóm họp, tụ tập tất cả, nên gọi là tướng. Tướng ấy không có đối ngại.

Hỏi: Đó là những tướng gì? Tụng nói Phân biệt. Phân biệt là chỉ ra các hành tướng, chứ chẳng phải nói thật tánh. Tức là đối với các nghĩa lý đã nói đó, như thật mà quán sát, cho đến không có nghĩa lượng cực vi trần bên ngoài mà có tự tánh có thể được thành lập. Thế nên, nương tự trí kia, Thế Tôn đã chỉ bày tất cả hành tướng, tác dụng mà phân biệt vốn có. Hỏi: Được nghĩa gì mới có thể như thế? Do đó, tụng nói:

*Bát-nhã Ba-la-mật,
Nói ba thứ nương tựa,
Gọi Biến kế - Y tha*

Và tánh Viên thành thật.

Nói “Bát-nhã Ba-la-mật v.v...” Nên biết, Bát-nhã Ba-la-mật đa có hai thứ pháp: một là Thắng thượng, hai là Sở hành. “Thắng thượng” tức là trí đã lìa hẳn phiền não chướng và sở tri chướng. “Sở hành”, tức là tướng của danh-văn cú-ngôn thuyết. Nó thắng thượng (cao, cả, hơn hết), là từ tự tánh của Bát nhã Ba la mật đa nói ra. Sở hành của nó tức là nghĩa, ngôn từ của pháp được nói, cũng là tác dụng của tự tánh.

Hỏi: Tác dụng của nó, ở đây là sao? Tụng tự đáp: “Nói ba thứ nương tựa”. Ba thứ nương tựa đó là gì?

Như tụng đã nói: Đó gọi là tánh Biến kế, Y tha và Viên thành thật. Biến kế, nghĩa là các kẻ phàm ngu đối với trí không hai thanh tịnh, khắp cho là có các tướng mà chấp trước đối ngại các tướng ấy. Đây là nói về Biến kế. “Tánh y tha” là nói từ tự tánh an trú của trí không hai, và chủng tử vô minh, hai thứ này đối ngại mà các vô minh dựa vào cái (nhân duyên) dấy lên, nên nói đây là tánh “Y tha khởi”. Còn “Viên thành thật tánh”, tức là trí không hai, nó là tánh chân thật vẹn toàn.

- Hỏi: Vì sao nói đó là ba thứ nương tựa? Vì thế, tụng có nói:

Không có cú thuyết này v.v...

Ngăn tất cả biến kế

Dụ huyễn v.v... thuộc về thấy,

Đây nói tánh Y tha.

“Không”, tức là không có gì cả. Cú thuyết này v.v... tức là các câu, các lời đã nói. Đẳng v.v..., tức là hết thảy các pháp đã nói đó.. đều ngăn cản mà nói rằng: Không có.

Hỏi: Hành tướng nó như thế nào? Tụng đáp: “Ngăn tất cả biến kế”. “Tất cả” nghĩa là khắp hết. “Biến kế” là tạo tác ra sự hư vọng, xảo trá, kỳ dị mà chấp trước vào đó. Chỉ, tức là ngăn cấm. Ý được trình bày như đây, đó là vì nói: Nếu có ai nghe tất cả những thuyết thì ngăn cản họ chấp vào những ngôn thuyết ấy. Người trì hiểu biết thấu suốt tất cả đều ngăn trừ biến kế có tướng chấp trước.

Tụng nói: Dụ Huyễn v.v... thuộc về thấy. Đây là nói về “tánh y tha”. Huyễn tức là màn lưới chắc thật (lưới nghi) “Đẳng (v.v...)” tức là bao gồm các pháp huyễn như thành Càn-thát-bà v.v... “Huyễn” là do người khác, nhờ pháp thuật, mà tạo thành. Nay lấy các ảo thuật đó, dụ cho pháp này, nên gọi là dụ huyễn. Thuộc về thấy, nghĩa là do thí dụ hiểu được các pháp như thế, nên gọi là thuộc về thấy. Ý ở đây là: Nếu có nghe nói nhờ huyễn dụ này mà thấy được nghĩa, thì Bạc trí nên biết, đây là nói “tánh y tha khởi”. Ở đây, nên biết do đã thấy các huyễn

v.v...cho nên, Thế Tôn mới có điều để dạy bảo tuyên nói.

Hỏi: Tự tánh y tha đó, làm sao hiểu cho thấu đáo? Còn “tự tánh viên thành” là nói đến việc gì? Do vậy tụng nói:

*Có bốn thứ thanh tịnh, Nói tánh Viên
thành thật, Bát-nhã Ba-la-mật,
Phật, không nói khác biệt.*

Nói : “Có bốn thứ thanh tịnh. Nói tánh viên thành thật” thì ở đây: “Nói” tức chỉ bày rõ. Nghĩa là dùng bốn thứ thanh tịnh chỉ rõ vốn đã có “tự tánh viên thành”, “Bốn thứ”, tức là bốn chủng loại. Thanh tịnh, tức là nghĩa không nhiễm. Vì do được bốn thứ sạch này, cho nên gọi là thanh tịnh.

